BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Số: 283 /QĐ-TĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Thuận (địa chỉ trụ sở chính: Khu dân cư Bắc Xuân An, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; ĐT: 0252.3822390) thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Địa điểm thực hiện hoạt động: tại địa chỉ trụ sở chính và tại hiện trường.

Điều 3. Trong hoạt động kiểm định, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Thuận được sử dụng dấu kiểm định mang ký hiệu **N279**.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 1086/QĐ-TĐC ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Phụ lục

LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TỈNH BÌNH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 283 /QĐ-TĐC ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

1. Hoạt động kiểm định phương tiện đo

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
1.	Taximet	Quãng đường Thời gian chờ	± 2 %(*) ± 0,2 %(*)	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
2.	Cân phân tích	đến 1 kg	1		
3.	Cân kỹ thuật	đến 20 kg	2		
4.	Cân bàn	đến 10 t	3		
5.	Cân đĩa	đến 60 kg	3		
6.	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4		
7.	Cân treo dọc thép lá đề	đến 200 kg	4		
8.	Cân ô tô	đến 100 t	3		
9.	Quả cân	1 g ÷ 20 kg	đến M_1		
10.	Phương tiện đo dung tích thông dụng: - Ca đong - Bình đong - Thùng đong	đến 100 L	đến 0,5		
11.	Cột đo xăng dầu	Q đến 100 L/min	0,5		
12.	Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN(15 ÷ 25)	Q_n đến 3,5 m^3/h	A; B; C		

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
13.	Áp kế lò xo	đến 60 bar	đến 1 %	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
14.	Huyết áp kế lò xo	(0 ÷ 300) mmHg	đến ± 3 mmHg(*)		
15.	Huyết áp kế thủy ngân	(0 ÷ 300) mmHg	đến ± 3 mmHg(*)		
16.	Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng và kiểu điện tử 1 pha	U đến 240 V I đến 100 A	đến 0,5		
17.	Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng và điện tử 3 pha	U đến 480 V I đến 100 A	đến 0,5		
18.	Phương tiện đo điện tim	(0,05 ÷ 200) Hz (0,1 ÷ 9) mV	± 5 %(*)		
19.	Phương tiện đo điện não	(0,05 ÷ 200) Hz 0,1 µV ÷ 2,4 mV	± 5 %(*)		
20.	Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang	đến 30 m^3	± 0,5 %(*)		
21.	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	trị số thấu kính: (-20 ÷ +20) D	± 0,25 D(*)		Bổ sung
		trị số lăng kính: (0 ÷ 10) Δ	± 0,5 Δ(*)		
		hướng trục mắt kính loạn: (0 ÷ 180)°	≤ 1°		
		hướng trục đáy kính: (0 ÷ 360)°	≤ 1°		

(*): Sai số lớn nhất cho phép.

2. Hoạt động hiệu chuẩn chuẩn đo lường

TT	Tên chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Ghi chú
1	Quả cân chuẩn	1 g ÷ 20 kg	đến M_1	
2	Bình chuẩn kim loại	đến 500 L	đến 0,05	